

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BẮC GIANG**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2018/ DS - ST

Ngày 30/11/2018

*V/v: Tranh chấp hợp đồng
mua bán tài sản*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T, TỈNH BẮC GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Bùi Tư Duy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Giáp Hồng Thanh;

Ông Trần Anh Dũng

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Sự - Thư ký, Tòa án nhân dân huyện T.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Kim Oanh – Kiểm sát viên

Ngày 30/11/2018 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bắc Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 62/2018/TLST-DS ngày 18/7/2018 về việc: Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 183/2018/QĐXXST-DS ngày 12/11/2018 và quyết định hoãn phiên tòa số 107/2018/QĐST-DS ngày 23/11/2018, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: ông Dương Văn Th, sinh năm 1972 (có mặt)

Nơi cư trú: thôn D, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang;

2. Bị đơn:

- Bà Trần Thị Thu H, sinh năm 1972 (vắng mặt)

- Ông Trần Minh Tr, sinh năm 1966 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn Q, xã Đ, huyện T, tỉnh Bắc Giang

3. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan:

- Bà Giáp Thị L, sinh năm 1973 (vắng mặt)

Nơi cư trú: thôn D, xã V, huyện T, tỉnh Bắc Giang

Ủy quyền cho ông Dương Văn Th (theo văn bản ủy quyền lập ngày 09/7/2018, ông Th có mặt tại phiên tòa).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 11/7/2018 và những lời khai tiếp theo, nguyên đơn ông Dương Văn Th trình bày:

Do có mối quan hệ bạn bè, quen biết với bà Trần Thị Thu H nên từ ngày 30/10/2015 đến ngày 05/02/2016, ông đã nhiều lần bán thức ăn gia súc, gia cầm (cám gà, cám lợn) cho vợ chồng ông Trần Minh Tr, bà Trần Thị Thu H. Các lần vợ chồng ông Tr bà H mua cám đều không trả tiền, đến ngày 05/02/2016 thì ông và bà H viết giấy chót nợ với nhau với nội dung vợ chồng bà H nợ ông số tiền là 174.690.000 đồng và bà H hẹn sau 02 tháng thì trả đủ số tiền trên. Đến ngày 09/4/2016 ông đã đến gia đình bà H để đòi tiền thì bà H không trả mà tiếp tục viết giấy nhận nợ hẹn đến ngày 30/5/2016 trả đủ số tiền trên, đến hẹn trả nợ ông đã đến gia đình bà H đòi tiền nhiều lần nhưng vợ chồng bà H không trả. Ngày 11/9/2016, do bà H không trả được ông số tiền trên nên bà H đã viết giấy nhận nợ số tiền trên và thỏa thuận lãi suất là 1%/tháng kể từ ngày 11/9/2016 cho đến khi trả xong. Đến ngày 09/2/2018 giữa ông với bà H có cộng lãi và chót lại số tiền còn nợ là 204.387.000 đồng và bà H hẹn đến tháng 6/2018 thì trả đủ số tiền trên. Đến hẹn trả nợ ông đã đến gia đình bà H đòi nhiều lần nhưng bà H không trả.

Nay ông yêu cầu Tòa án xử buộc vợ chồng ông Tr, bà H cùng có trách nhiệm trả số tiền 204.387.000 đồng, ông không yêu cầu trả lãi. Lý do ông yêu cầu cả hai vợ chồng ông Tr bà H cùng có trách nhiệm trả số tiền trên là do, khi ông bán cám cho vợ chồng ông Tr bà H thì ông Tr có biết và có một số lần ông Tr là người trực tiếp nhận cám của ông.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Dương Văn Th có mặt vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Với tư cách là người đại diện theo ủy quyền của bà Giáp Thị L, ông Dương Văn Th vẫn giữ nguyên yêu cầu trên.

Tại biên bản ghi lời khai ngày 07/11/2018 và trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn là ông Trần Minh Tr trình bày:

Trong năm 2015 và năm 2016 vợ ông là bà Trần Thị Thu H có mua cám của vợ chồng ông Dương Văn Th. Việc bà H mua cám của ông Th thì ông có biết nhưng ông không tham gia mua bán, ông chỉ vài lần nhận hộ cám cho bà H. Việc bà H nợ tiền cám của ông Th như thế nào thì ông không biết và ông cũng không ký nhận nợ lần nào với ông Th.

Nay ông Th đòi số tiền trên ý kiến của ông là nhất trí hỗ trợ bà H trả một phần số tiền nợ cho ông Th và ông đề nghị xác định lại số tiền nợ cụ thể đến nay là bao nhiêu.

Tại phiên tòa hôm nay, ông Trần Minh Tr vắng mặt.

Bị đơn là bà Trần Thị Thu H đã được Tòa án thông báo về việc thụ lý vụ án nhưng hết thời hạn theo quy định của pháp luật bà H không cung cấp lời khai của mình cho Tòa án. Để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự và để giải quyết vụ án đúng theo quy định của pháp luật. Tòa án đã tiến hành thủ tục lấy lời khai của bà H nhưng bà H từ chối cung cấp lời khai cho Tòa án. Do vậy, Tòa án đã

tiến hành đầy đủ các thủ tục tố tụng nhưng bà H không đến Tòa án làm việc để bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình.

Tại phiên tòa hôm nay, bà Trần Thị Thu H vắng mặt.

Tham gia phiên tòa, đại diện viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý đến trước khi mở phiên tòa Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng, tại phiên tòa Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung vụ án: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Th, buộc vợ chồng ông Tr bà H có trách nhiệm trả vợ chồng ông Th số tiền 204.387.000 đồng

Về án phí vợ chồng ông Tr bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra công khai tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, HĐXX nhận định:

[1] Về tố tụng: ông Trần Minh Tr, bà Trần Thị Thu H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ đến phiên tòa lần thứ 2 nhưng vẫn vắng mặt không có lý do. HĐXX căn cứ vào khoản 2 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự vẫn xét xử vụ án.

[2] Về số tiền nợ: ông Th yêu cầu vợ chồng ông Tr bà H trả số tiền mua bán cám còn nợ là 204.387.000 đồng, ông Tr thừa nhận có nợ số tiền mua cám nhưng ông Tr đề nghị xác định lại số tiền nợ cụ thể, còn bà H từ chối khai báo và không đưa ra ý kiến trình bày gì. Các tài liệu do ông Th cung cấp có trong hồ sơ vụ án thể hiện từ năm 2015 đến năm 2016 bà H có mua cám của vợ chồng ông Th, ngày 09/4/2016 bà H có chốt nợ và nhận nợ với số tiền là 174.690.000 đồng (bà H trực tiếp ký tên), ngày 11/9/2016 do không trả được số tiền trên nên bà H đã thỏa thuận với ông Th là tính lãi 1%/tháng kể từ ngày 11/9/2016 đến khi trả xong, ngày 09/02/2018 bà H và vợ chồng ông Th có chốt lại số tiền nợ gốc là 174.690.000 đồng và lãi là 29.697.300 đồng (tính lãi 17 tháng của số tiền 174.690.000 đồng) tổng số tiền là 204.387.000 đồng (giấy nhận nợ do chị Hiền trực tiếp ký tên). Như vậy, ông Th yêu cầu vợ chồng ông Tr bà H trả số tiền 204.387.000 đồng là phù hợp với quy định tại các Điều 430; Điều 440 Bộ luật dân sự.

[3] Về lãi suất phát sinh: do ông Th không yêu cầu vợ chồng ông Tr bà H phải trả lãi suất phát sinh nên HĐXX không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Về trách nhiệm trả nợ: Toàn bộ giấy nhận nợ, chốt nợ có trong hồ sơ thể hiện bà H là người ký tên, ông Tr không ký tên vào bất kỳ giấy nhận nợ nào. Nhưng trong thời gian bà H mua cám của vợ chồng ông Th, thì bà H ông Tr là vợ chồng và chung sống cùng nhau, bà H ông Tr không có bất kỳ thỏa thuận nào về việc phân chia tài sản cũng như nghĩa vụ về tài sản. Mặt khác, việc mua cám của vợ chồng ông Th để tạo nguồn thu nhập cho gia đình và việc mua bán cám trên ông Tr có biết, có một số lần ông Tr trực tiếp nhận cám của ông Th. Như vậy theo quy

định tại Điều 37 Luật hôn nhân và gia đình thì nghĩa vụ trả nợ trên là nghĩa vụ chung của vợ chồng ông Tr bà H. HĐXX xét thấy, nguyên nhân dẫn đến việc tồn đọng số nợ trên là do ông Tr, bà H không có ý thức thanh toán trả cho vợ chồng ông Th số tiền trên mặc dù ông Th đã nhiều lần yêu cầu vợ chồng ông Tr, bà H thanh toán nhưng vợ chồng ông Tr, bà H vẫn không thanh toán nên buộc ông Th phải khởi kiện ra Tòa án để giải quyết. Yêu cầu trên của ông Th là phù hợp với quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Do đó cần chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc vợ chồng ông Tr, bà H phải thanh toán trả cho vợ chồng ông Th số tiền là 204.387.000 đồng

[5] Về lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền: Ông Th yêu cầu lãi suất chậm thực hiện nghĩa vụ theo quy định của pháp luật do đó cần áp dụng Điều 357; khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự để giải quyết

[6] Về án phí sơ thẩm: ông Tr, bà H phải chịu án phí theo quy định tại khoản 1 Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[7] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 271 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào khoản 1 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 228, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 357, Điều 430, Điều 440, khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

1. Buộc vợ chồng ông Trần Minh Tr, bà Trần Thị Thu H phải thanh toán trả cho vợ chồng ông Dương Văn Th bà Giáp Thị L số tiền 204.387.000 đồng (Hai trăm linh bốn triệu ba trăm tám mươi bảy nghìn đồng chẵn).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn đề nghị thi hành án mà người phải thi hành án không thi hành hoặc thi hành không đầy đủ thì phải chịu lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468, tương ứng với số tiền chậm trả ở thời điểm thanh toán.

3. Về án phí: Vợ chồng ông Trần Minh Tr, bà Trần Thị Thu H phải chịu 10.219.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm

Hoàn trả ông Dương Văn Th số tiền 5.110.000 đồng (Năm triệu một trăm mười nghìn đồng chẵn) tiền tạm ứng án phí ông Th đã nộp theo biên lai số AA/2017/0002058 ngày 18/7/2018 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện T, tỉnh Bắc Giang.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án

hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7a và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nguyên đơn có mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt tại phiên tòa, được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 kể từ ngày nhận được tổng đạt hoặc niêm yết công khai bản án./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- TAND tỉnh BG;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các đương sự;
- Lu HS, VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Bùi Tư Duy